

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 03 - 2024

V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Tông Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lương Văn Sanh
2. bà Lò Thị Mỹ Lệ*

***- Thư ký phiên toà: ông Lý A Đà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện
Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái
tham gia phiên toà: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.***

Ngày 28 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L, sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản X, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Giàng A T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản K, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2024; biên bản ghi lời khai chị Giàng Thị L thể hiện:

**** Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L và anh Giàng A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T ngoại tình, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị L và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau,***

chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- * *Về con chung*: Có 02 con chung
 - + Giàng A Quảng, sinh ngày 27/11/2013
 - + Giàng A Di, sinh ngày 15/06/2016

Hiện giờ các con đang ở cùng với ông bà nội tại bản Khao Mang, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị L không phải cấp dưỡng.

- * *Về tài sản chung*: không yêu cầu tòa án giải quyết:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2024 bị đơn Giàng A T trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân như chị L trình bày, nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, anh T xác định không còn tình cảm với chị L nên nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị L.

* *Về con chung*: Có 02 con chung như chị L trình bày, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- * *về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2024 tại UBND xã K thể hiện:

Chị L và anh T có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị L và anh T đã trình bày; về điều kiện kinh tế hiện cả chị L và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2024 cháu Giàng A Q, và Giàng A D trình bày:

Nếu nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố (anh T).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng pháp luật; các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị L và anh Giàng A T là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Giàng A Q và Giàng A D. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Giàng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Giàng A T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh T có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Giàng Thị L và anh Giàng A T là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Công nhân sự thoả thuận của các đương sự là anh Giàng A T được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng A Q và Giàng A D và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là đồng là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị L và anh Giàng A T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng A Q, sinh ngày 27/11/2013 và Giàng A D, sinh ngày 15/06/2016. Chị L không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Khao Mang;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Q1